

**CÔNG TY TNHH MTV BT LẠNG GIANG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV BT LẠNG GIANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BT LANG GIANG COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BT LANG GIANG CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400845083

**3. Ngày thành lập:** 09/08/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

P101, Khu đô thị Đồng Cửa 2, Phường Lê Lợi, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 02438349985

Fax: 02438390169

Email: [contactcoma6@gmail.com](mailto:contactcoma6@gmail.com)

Website: [coma6.vn](http://coma6.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Kinh doanh thiết bị máy móc cho ngành xây dựng, vật liệu xây dựng và công trình đô thị                                                                                                                                                                                           | 4659     |
| 2.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7710     |
| 3.  | Bán buôn tổng hợp<br>Chi tiết: Mua, bán các mặt hàng công ty kinh doanh.                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4690     |
| 4.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3312     |
| 5.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330     |
| 6.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn, lập dự án các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, bến cảng, các công trình đường dây điện, trạm biến áp điện ( không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình và chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật ) | 7110     |
| 7.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ                                                                                                                                                                                                                                             | 4933     |
| 8.  | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác<br>Chi tiết: Vệ sinh công nghiệp cho các công trình dân dụng, công nghiệp và các công trình đô thị                                                                                                                                                                   | 8219     |
| 9.  | Sản xuất máy chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Sản xuất, chế tạo máy móc, thiết bị và các sản phẩm cơ khí; Sản xuất thiết bị máy móc cho ngành xây dựng, vật liệu xây dựng và công trình đô thị                                                                                                                                                   | 2829     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Xây dựng công trình công ích<br>Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, thủy lợi, bến cảng, các công trình đường dây điện, trạm biến áp điện ( không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình và chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật ) | 4220 |
| 11. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                         | 5210 |
| 12. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách du lịch                                                                                                                                                              | 7920 |
| 13. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                 | 4390 |
| 14. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                     | 4322 |
| 15. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>Chi tiết: Lắp đặt máy móc thiết bị cơ điện, điện, nước cho các công trình dân dụng, công nghiệp và các công trình đô thị; Lắp đặt máy móc, thiết bị và các sản phẩm cơ khí.                                                              | 3320 |
| 16. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                             | 4663 |
| 17. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4311 |
| 18. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                               | 4321 |
| 19. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                      | 4329 |
| 20. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn ( trừ tư vấn giá nhà, đất, quảng cáo, đấu giá ) quản lý bất động sản.                                                                                                                 | 6820 |
| 21. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>Chi tiết: Mạ nhúng kẽm, sơn, sơn tĩnh điện và các sản phẩm cơ khí; Nhận gia công, chế tạo, lắp dựng, mạ nhúng kẽm, sơn tĩnh điện các sản phẩm cơ khí, các loại cột điện, cột vi ba.                                                 | 2592 |
| 22. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng phương tiện đường thủy                                                                                                                                                                        | 5021 |
| 23. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường thủy                                                                                                                                                                            | 5022 |
| 24. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                                                                                                              | 3311 |
| 25. | Xây dựng nhà các loại<br>Chi tiết: Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Lắp đặt kết cấu kim loại, cấu kiện bê tông đúc sẵn.                                                                                                                                                            | 4100 |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng phương tiện đường bộ                                                                                                                                                                               | 4932 |
| 27. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4312 |
| 28. | Đại lý du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế                                                                                                                                                                                                             | 7911 |
| 29. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                                                                                                                                 | 7730 |

|     |                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 30. | Vận tải hàng hóa đường sắt<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường sắt                                                                                   | 4912        |
| 31. | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br>Chi tiết: Chế tạo kết cấu kim loại, cấu kiện bê tông đúc sẵn                                                                                   | 2511        |
| 32. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình giao thông                                                                               | 4210        |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng, máy móc, thiết bị và công nghệ công ty kinh doanh.             | 8299        |
| 34. | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)                                                                                                                                         | 2513        |
| 35. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng ( không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar )                            | 5610        |
| 36. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị | 6810(Chính) |
| 37. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Kinh doanh khách sạn ( không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar )                                                  | 5510        |
| 38. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                              | 4662        |
| 39. | Vận tải hành khách đường sắt<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng phương tiện đường sắt                                                                               | 4911        |

**6. Vốn điều lệ:** 50.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG ĐẠI MỖ ( COMA 6)

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0100106810

Do: Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội Cấp ngày: 10/10/2005

Địa chỉ trụ sở chính: Khu đô thị Dream Town, đường 70, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: DƯƠNG VĂN NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch kiêm Giám đốc*

Sinh ngày: 12/09/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 024071000241

Ngày cấp: 28/03/2018

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *BT-08 Khu đô thị Dream Town, Tổ dân phố số 6, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *BT-08 Khu đô thị Dream Town, Tổ dân phố số 6, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang